

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-7-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Minh Trung.

2 Ông Phạm Tuấn Tú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:
Bà Diệp Ngọc Dinh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1974; địa chỉ: X khu tái định cư M, phường C, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Trương Hữu P, sinh năm 1968; địa chỉ: Số X, đường Cách Mạng Tháng Tám, tổ 39, khu phố 5, phường C, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Trương Hữu P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Chánh Nghia, thị xã (nay là thành phố Thủ Dầu Một), tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận số 191, ngày 05/7/2004. Quá trình sống chung, có 01 người con chung là Trương Hữu L, sinh ngày 05/01/1993. Sau khi kết hôn, bà H và ông P sinh sống tại địa chỉ số 864/63/21/8, đường Cách Mạng Tháng Tám, tổ 39, khu phố 5, phường Chánh Nghia, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống sau khi kết hôn thì đời sống gia đình giữa vợ chồng không hạnh phúc, thường

xuân xảy ra mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay, bà H và ông P đã không còn quan hệ vợ chồng, tình cảm thương yêu đã không còn, đời sống gia đình không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Bà H đã về nhà mẹ đẻ tại phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương sinh sống từ năm 2022 cho đến nay và ông P, bà H không thể hòa giải, hàn gắn mâu thuẫn để đoàn tụ về sống chung. Do đó, bà H nhận thấy tình trạng mâu thuẫn giữa bà H và ông P không thể hàn gắn nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H ly hôn với ông P. Về con chung hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trương Hữu P: Ông P đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên họp nhưng ông P không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng không gửi ý kiến bằng văn bản phản đối yêu cầu ly hôn theo yêu cầu của bà H. Tòa án ban hành và tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông P cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì về phần thủ tục. Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện tranh chấp yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Trương Hữu P. Bị đơn ông Trương Hữu P có đăng ký thường trú tại phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Căn cứ theo quy định pháp luật thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Trương Hữu P vắng mặt lần 2. Do đó, căn cứ Điều 228, Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H và bị đơn ông Trương Hữu P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Chánh Nghĩa, thị xã (nay là thành phố Thủ Dầu Một), tỉnh Bình Dương nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà H yêu cầu được ly hôn với ông P vì cho rằng trong quá trình chung sống

không thể hòa hợp trong cuộc sống hằng ngày, mâu thuẫn xảy ra trong thời gian dài, không thể hàn gắn. Ông P không chăm lo cho cuộc sống gia đình, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thiếu sự tôn trọng, quan tâm. Theo biên bản xác minh thì đại diện chính quyền địa phương nơi bà H và ông P cư trú tại phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương không nhận được yêu cầu hòa giải mâu thuẫn gia đình của bà H và ông P, đồng thời cũng không ghi nhận được tình trạng mâu thuẫn cụ thể của bà H và ông P. Tuy nhiên, tình cảm gia đình phải được vun đắp từ hai phía, cả hai phải quan tâm, yêu thương chăm sóc lẫn nhau để gây dựng gia đình hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, mục đích hôn nhân hạnh phúc của bà H và ông P đã không đạt được, vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Quá trình giải quyết, ông P mặc dù đã được thông báo về việc bà H có yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con tại Tòa án nhưng ông P không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình, vắng mặt hoặc có đơn trình bày lý do bất khả kháng để không đến Tòa án tham gia tố tụng. Xét thấy, bà H cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn và không có nguyện vọng muốn hàn gắn tình cảm gia đình. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và bị đơn ông Trương Hữu P có con chung là Trương Hữu L, sinh ngày 05/01/1993 hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 228, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H và bị đơn ông Trương Hữu P về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn đối với ông Trương Hữu P.

- Về con chung: Hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí BLTU/23 số 0004222 ngày 05/02/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Chánh Nghĩa, tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: HSPA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Phương